

Số: 456/CK-THCSHQ

Hoàng Quế, ngày 29 tháng 8 năm 2024

**CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG
CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THUỘC
HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN
NĂM HỌC 2024-2025**

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kế hoạch số 455/KH-THCSHQ ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Trường THCS Hoàng Quế về thực hiện công khai trong trường học theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT;

Trường THCS Hoàng Quế công khai trong trường học đầu năm học 2024 - 2025 như sau:

Mục 1. CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Khu Tràng Bạch, Phường Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Thư điện tử: thcshoangque@dongtrieu.edu.vn

Trang web: thcshoangque@dongtrieu.edu.vn

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

3.1: Sứ mạng: Tạo dựng một môi trường giáo dục an toàn - thân thiện - năng động và sáng tạo để học sinh được phát huy tối đa khả năng của bản thân từ đó đáp ứng được mong mỏi của phụ huynh và yêu cầu đổi mới ngày càng cao của xã hội. Tạo ra các thể hệ học sinh năng động, phát triển toàn diện đức - trí - thể - mỹ. Coi trọng giáo dục lý tưởng, đạo đức với phương châm “ Thành người trước khi thành tài”.

3.2: Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập. Là một trong những trường THCS có chất lượng giảng dạy trong thị xã. Đào tạo thể hệ học sinh có truyền thống tự hào là học sinh trường THCS Hoàng Quế, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới XHCN, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu.

3.3: Mục tiêu nhà trường: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, với mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất

Thư điện tử: thcs.htd.dtn dung@dongtrieu.edu.vn

6. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có); Quyết định số 53/KHTV ngày 05/9/1994 của Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ninh.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số 1768/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều về việc kiện toàn Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025;

Quyết định số 1838/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều về việc công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng trường đối với Trường THCS Hoàng Quế, nhiệm kỳ 2020-2025;

Danh sách các thành viên Hội đồng trường:

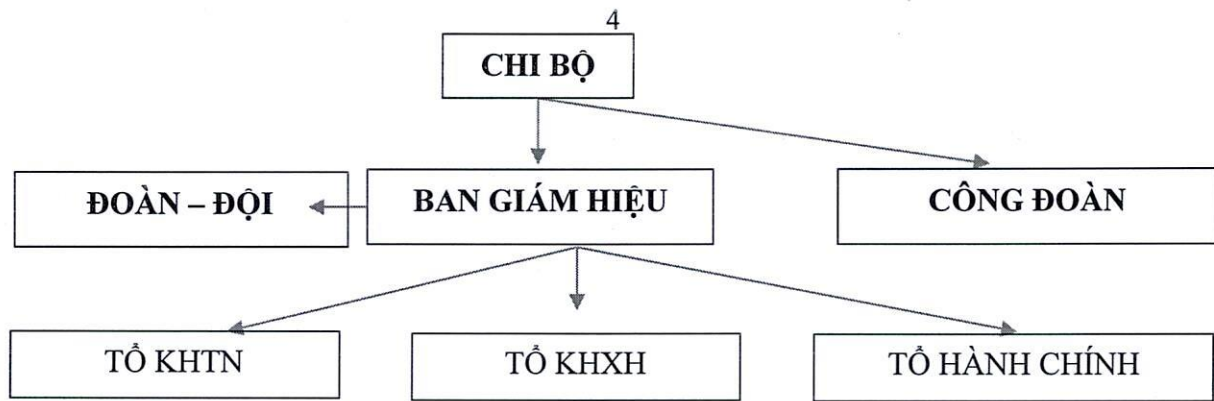
TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đinh Thị Ngọc Dung	Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng
2	Ngô Thanh Minh	Phó chủ tịch UBND Phường Hoàng Quế
3	Lê Thị Thuý Hương	Phó Bí thư chi bộ, Phó hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn
4	Nguyễn Thị Nữ	Tổ trưởng tổ KHTN
5	Nguyễn Thị Phi Nga	Tổ trưởng tổ KHXH
6	Nguyễn Thị Huyền Trang	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
7	Ngô Thị Thảo	Tổ trưởng tổ văn phòng
8	Ngô Thị Lan	Ban đại diện CMHS nhà trường
9	Em Phạm Thu Hà	Đại diện học sinh

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số 4162/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thị xã Đông Triều về việc bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý.

Quyết định Phó Hiệu trưởng số 69/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của UBND thị xã Đông Triều về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên(nếu có);

Quyết định số 207/KHTV ngày 04/07/2001 của Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ninh về việc tách và thành lập trường.

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Hiệu trưởng: Đinh Thị Ngọc Dung; Số điện thoại: 0978898539

Thư điện tử: thcs.htd.dtn dung@dongtrieu.edu.vn

Điều 5. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a. Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2024)

STT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Tỉ lệ chi %	Số tiền
1	Ngân sách 2024 và học phí	Chi lương, các khoản đóng theo lương. 4.672.091.000đ	100%	4.672.091.000
		Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục. 1.011.845.000đ	95%	1.011.845.000

b. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

STT	KHOẢN THU	KHỐI 6	KHỐI 7	KHỐI 8	KHỐI 9
1	Các khoản thu theo Công văn				
1.1	Tiền học phí Thực hiện Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh QN về một số biện pháp hỗ trợ khắc phục hậu quả bão số 3(Bão Yagi) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm	miễn	miễn	miễn	miễn

	2024;				
1.2	Tiền BHYT(Thời hạn từ 01/01/2025 đến 31/12/2025) Thực hiện theo công văn số 1406/BHXX-TST ngày 12/9/2024 của BHXH thị xã Đông Triều về việc triển khai thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2024-2025;	884.520đ/HS Mức thu của HS hộ GD nông, lâm, ngư, diêm nghiệp 252.720 đ	884.520đ/HS Mức thu của HS hộ GD nông, lâm, ngư, diêm nghiệp 252.720 đ	884.520đ/HS Mức thu của HS hộ GD nông, lâm, ngư, diêm nghiệp 252.720 đ	884.520đ /HS Mức thu của HS hộ GD nông, lâm, ngư, diêm nghiệp 252.720 đ
2	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ: Các khoản thu thực hiện theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh "Quy định một số khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh"; hướng dẫn số 2593/SGDĐT- KHTC ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh "Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh";				
2.1	Tiền học thêm (7 tháng) Thu 8000 đồng/ tiết, học 3 tiết/buổi và 3 buổi/tuần (khôi 6,7,8,.9); (nếu đăng ký)	Thu theo số buổi học/tháng và thu theo TT HS học	Thu theo số buổi học/tháng và thu theo TT HS học	Thu theo số buổi học/tháng và thu theo TT HS học	Thu theo số buổi học/tháng và thu theo TT HS học
2.2	Tiền xe: Thu 9 tháng				
	Xe đạp: 20 000 đồng/HS/tháng (nếu đăng ký)	180.000/HS Thu theo thực tế số tháng HS đi	180.000/HS Thu theo thực tế số tháng HS đi	180.000/HS Thu theo thực tế số tháng HS đi	180.000/HS Thu theo thực tế số tháng HS đi
	Xe đạp điện: 30 000 đồng/HS/tháng (nếu đăng ký)	270.000/HS Thu theo thực tế số tháng HS đi	270.000/HS Thu theo thực tế số tháng HS đi	270.000/HS Thu theo thực tế số tháng HS đi	270.000/HS Thu theo thực tế số tháng HS đi
2.3	Tiền nước uống thu 9 tháng (8,000đ/HS/tháng)	72 000/HS	72 000/HS	72 000/HS	72 000/HS

3	Các khoản thu tự nguyện				
3.1	Quỹ Bại đại diện cha mẹ học sinh lớp (Trên tinh thần đóng góp tự nguyện của phụ huynh học sinh: quỹ lớp)	Tự nguyện	Tự nguyện	Tự nguyện	Tự nguyện
3.2	Quỹ ban đại diện cha mẹ học sinh trường (Trích 40% từ quỹ ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp đã được thống nhất trong hội nghị hội CMHS)	Tự nguyện	Tự nguyện	Tự nguyện	Tự nguyện

c. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Hỗ trợ miễn, giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NQ-CP ngày 28/7/2021 của chính phủ và Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Năm học 2024-2025 (kỳ 1) hỗ trợ học phí theo quy định tại Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh.

d. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có). Không

2. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở. Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

Mục 3. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 8. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

Cán bộ quản lý: 02; Giáo viên: 23; Nhân viên: 03.

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Giáo viên

[illegible]

8	Địa lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	GDCD	1	1	1	1	0	0	1	0	0
10	Công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Thể dục	1	0	1	1	0	0	1	0	0
12	Âm nhạc	1	1	1	1	0	0	1	0	0
13	Mỹ thuật	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Tin học	1	1	1	1	0	0	1	0	0

- Cán bộ quản lý, nhân viên

TT	Môn	Số lượng		Đảng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				Th.S	ĐH	CĐ	Khác
1	Hiệu trưởng	1	1	1	1			1		
2	Phó Hiệu trưởng	1	1	1	1			1		
3	VT-TQ	1	1	0	1					1
4	TB-TV	1	1	1	1				1	
5	Kế toán	1	1	1	1			1		
5	Bảo vệ	2				2				2
6	Phục vụ	1	1			1				1

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

Cán bộ quản lý 02, đạt chuẩn 100%;

Giáo viên 23, đạt chuẩn 100%;

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

Cán bộ quản lý 02, đạt 100%;

Giáo viên 23, đạt 100%.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a. Diện tích khu đất xây dựng trường 3237,2m², Điểm trường 01;

Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh Đạt yêu cầu

b. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

TT	Nội dung	Số phòng	Ghi chú
1	Phòng học	14	
2	Phòng vi tính	1	
3	Phòng đồ dùng	0	
4	Phòng thư viện	1	
5	Phòng học bộ môn Tiếng Anh	0	

6	Phòng học KHTN, KHXH	1	
9	Phòng học bộ môn Âm nhạc	0	
10	Phòng học bộ môn Mĩ thuật	0	
11	Phòng Ban giám hiệu	2	
12	Phòng Hội trường	1	
13	Phòng Y tế	1	
14	Phòng Đoàn đội	1	
17	Phòng Công đoàn	0	
18	Phòng Bảo vệ	1	
19	Nhà đa năng	0	
20	Sân thể thao	1	
21	Tổng diện tích đất	3237,2m ²	
22	Nhà xe giáo viên và học sinh	2	
23	Số máy vi tính	25	
24	Số máy vi tính dùng cho cán bộ quản lý và nhân viên	4	
25	Ti vi dùng cho học tập và quản lý	4	
26	Camera	0	
27	Thiết bị dạy và học cho K6,7,8,9/ khối	Đang mua sắm	
28	Sách giáo khoa 6,7,8,9/khối	5	
29	Sách tham khảo	Đủ dùng	
30	Internet	VNPT	

c. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; Phòng vi tính 25 chiếc

Ti vi (thay máy chiếu) (Đảm bảo đủ điều kiện học tập)

d. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối 6,7,8,9 thực hiện Chương trình GDPT Phổ thông 2018 với bộ sách Kết nối tri thức và Cánh Diều.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng

1.1.1. Các tiêu chí đạt và không đạt ở Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Các tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 đạt 100%
- Các tiêu chí đạt Mức 2: 28/28 đạt 100%
- Các tiêu chí đạt Mức 3: 20/20 đạt 100%

- Các tiêu chí không đạt Mức 3: 0/20 đạt 0%

1.1.2. Các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

- Các tiêu chí đạt Mức 4: 01/06 đạt 16,7%

- Các tiêu chí không đạt Mức 4: 05/06 đạt 83,3%

- Mức TĐG của nhà trường: Mức 3.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

a. Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp; (không thực hiện)

b. Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục; (không thực hiện)

c. Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tiếng Anh

Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a. Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

- **Chỉ tiêu tuyển sinh:** 164 học sinh (04 lớp)

- **Hồ sơ tuyển sinh**

Đơn xin học (*theo mẫu do các Hội đồng tuyển sinh quy định*);

Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;

Học bạ cấp tiểu học.

- **Phương thức và đối tượng tuyển sinh**

Xét tuyển

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học có hộ khẩu thường trú trên địa bàn xã hoặc thường trú tỉnh khác tạm trú trên địa bàn Phường.

b. Kế hoạch thực giáo dục của cơ sở giáo dục số 494/KH-THCSHQ ngày 23/9/2024 của trường THCS Hoàng Quế, đăng tải trên website: thcsHoangQue@dongtrieu.edu.vn.

c. Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh năm học 2024-2025 số 537/QCPH-THCSHQ ngày 14/10/2024; Quy chế phối hợp thực hiện đảm bảo an ninh, trật tự, phòng chống tệ nạn XH trong nhà trường năm học 2024-2025.

- Phối hợp trong xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm (giáo dục chính trị, pháp luật, đạo đức, thể chất, nếp sống văn hoá, sức khoẻ sinh sản vị thành niên, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, ATGT, vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường cho học sinh).

- Phối hợp trong quản lý học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.

- Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường.

- Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

d. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

STT	Nội dung	Thời điểm	Địa điểm	Phụ trách	Phối hợp
1	Chào cờ đầu tuần	Đầu giờ thứ 2 hằng tuần	Sân trường	Trần Xuân Thắng- TPT Đội	CB,GV, NV, HS, Đội danh dự
2	Sinh hoạt lớp	Chiều thứ 7 tuần 2,4 hàng tháng	Trong lớp học	GVCN	BCH chi đội, BCS lớp, Học sinh của lớp
3	Tuyên truyền mái trường mến yêu- An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai	Tuần 1 tháng 9	Sân trường	Lê Thị Thuý Hường- PHT	Liên Đội, Đoàn TNCS GV,HS, Mời cơ quan chức năng
4	Tết Trung Thu	Tuần 3 tháng 9	Lớp học	Lê Thị Thuý Hường- PHT	TPT,GVCN, Đoàn thanh niên, CMHS và HS
5	Tuyên truyền “Thuốc lá nung nóng, thuốc lá điện tử”	Tuần 3 tháng 10	Sân trường	Lê Thị Thuý Hường- PHT	TPT, Tổ KHXH, GVCN, Học sinh
6	Tuyên truyền Ngày pháp luật nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam	Tuần 1 tháng 11	Sân trường	Lê Thị Thuý Hường- PHT	TPT, Tổ KHXH, GVCN, Học sinh
7	Diễn đàn trẻ Em	Tuần 2 tháng 11	Sân trường	Lê Thị Thuý Hường- PHT	TPT, Tổ KHXH, GVCN, Học sinh
8	Kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	Tuần 3 tháng 11	Sân trường	Đinh Thị Ngọc Dung- HT	Liên Đội, Giáo viên chủ nhiệm các lớp;CMHS
9	Trải nghiệm ngoài nhà trường	Tháng 12	Ngoài nhà trường	Đinh Thị Ngọc Dung-HT	BGH; GVCN, CMHS và HS
10	Tuyên truyền ATGT; ANTT; phòng cháy chữa cháy, CNCH	Tháng 01/2025	Sân trường	Đinh Thị Ngọc Dung-HT	Giáo viên chủ nhiệm các lớp; Đoàn TNCS, CMHS, HS
11	Vui đón Tết cổ truyền	Tháng 01/2025	Sân trường	Đinh Thị Ngọc Dung-HT	Giáo viên chủ nhiệm các lớp; Đoàn TNCS, CMHS, HS
12	Chào mừng “Ngày hội tiến bước lên đoàn”	Tháng 03/2025	Sân trường	Đinh Thị Ngọc Dung-HT	Liên Đội, Đoàn TNCS, GVCN, CBGV,NV, Học

					sinh
13	Ngày Hội KHCN (ngày hội STEM)	Tháng 03/2025	Văn phòng nhà trường	Lê Thị Thuý Hường-PHT	Tổ KHTN, Phụ trách CLB STEM, TPT, Đoàn TN, GVCN, Học sinh
14	Ngày hội văn hóa đọc	Tháng 4/2025	Sân trường	Lê Thị Thuý Hường-PHT	NV Thư viện, Tổ KHXX, Liên Đội, Giáo viên; Học sinh

đ. Thực đơn hàng ngày của học sinh (nếu có). (không)

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối lớp	Tổng số lớp	Số học sinh		Số HS dân tộc		Số HS học 2 buổi/ ngày	HS K.tật	HS chuyển đến	HS chuyển đi	Ghi chú
		Tổng	Nữ	Tổng	Nữ					
6	4	164	76	2	1	0	3	0	0	
7	4	167	75	2	2	0	0	2	0	
8	3	136	60			0	2	1	0	
9	4	144	64	2		0	0	0	0	
Tổng	15	611	275	6	3	0	5	1	4	

b. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Kết quả xếp loại hạnh kiểm và rèn luyện năm học 2023-2024

+ Kết quả xếp loại theo chương trình 2006

Năm học	Xếp loại học lực/học tập				Xếp loại hạnh kiểm/rèn luyện			
	Giỏi %	Khá %	TB %	Yếu%	Tốt %	Khá %	TB %	Yếu %
2023-2024	18,11	48,82	33,07	0	89,76	9,5	0,74	0

+ Kết quả xếp loại theo chương trình GDPT 2018

Năm học	Xếp loại học lực/học tập				Xếp loại hạnh kiểm/rèn luyện			
	Tốt %	Khá %	Đạt %	Chưa đạt %	Tốt %	Khá %	Đạt %	Chưa đạt %
2023-2024	23,09	46,19	30,27	0,45	90,36	8,07	1,57	0

Học sinh lên lớp 573/573 HS đạt 100%.

c. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục

nghe nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Học sinh tốt nghiệp lớp 9 đạt 127/127 tỉ lệ 100%.

Học sinh trúng tuyển THPT năm học 2024-2025 là 65/120 học sinh đạt 54,1%.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài). (không thực hiện).

Trường THCS Hoàng Quế công khai trong trường học, đầu năm học 2024 - 2025./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Đông Triều (b/c);
- Đăng trên trang Web trường;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Ngọc Dung